

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5802**/UBND-KTTH
V/v ban hành tiêu chuẩn,
định mức sử dụng diện tích
chuyên dùng công trình sự
nghiệp khác (ngoài lĩnh
vực y tế, giáo dục và đào
tạo) của các đơn vị sự
nghiệp công lập thuộc
phạm vi quản lý của tỉnh

Quảng Ngãi, ngày **14** tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh

Để có cơ sở đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm cơ sở hoạt động sự nghiệp (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo), UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: “*Diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý*”;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4417/STC-QLGCS ngày 07/11/2022 (có bản photo kèm theo); đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (chi tiết theo phụ lục đính kèm), để UBND tỉnh triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHanh512.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

Phụ lục

**Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp khác
(ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các đơn vị sự nghiệp công lập
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi**

STT	Tên đơn vị/công trình sự nghiệp	Diện tích tối đa (m ²)
1	Trung tâm Kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp Dung Quất	
	Nhà chế biến và kho dụng cụ	120
	Nhà trưng bày - giới thiệu sản phẩm	72
	Kho thuốc Bảo vệ thực vật	12
	Nhà kho vật tư nông nghiệp	200
2	Thư viện Tổng hợp tỉnh	
	Phòng đọc sách, báo dành cho Người Cao tuổi	500
3	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Quảng Ngãi	
	Sân vận động, 25.000 chỗ ngồi (không mái che)	22.000
	Nhà ở Vận động viên	250
	Nhà thi đấu đa năng	5.000
	Khu Liên hiệp Thể dục, Thể thao	
	<i>Sân vận động Trung tâm (20.000 chỗ ngồi) có mái che</i>	20.000
	<i>Bể bơi mái che, khán đài 2.000 chỗ ngồi</i>	5.000
	<i>Nhà thi đấu đa năng 2.000 chỗ ngồi</i>	6.000
	Khối nhà lớp học	1.000
	Nhà tập luyện đa năng	2.000
	Khối nhà nội trú cho học sinh	1.000
	Khối nhà ăn + bếp ăn tập thể	500
4	Trung tâm văn hóa Nghệ thuật tỉnh	
	Nhà triển lãm	3.200
	Rạp chiếu phim	1.000
	Trung tâm Hội nghị	4.000
	Diện tích sử dụng cho luyện tập Ca	100
	Diện tích sử dụng cho luyện tập Múa	200
	Diện tích sử dụng cho luyện tập Nhạc	100
	Hội trường lớn (từ 150 chỗ ngồi trở lên để báo cáo chương trình và biểu diễn)	700
5	Ban Quản lý khu chứng tích Sơn Mỹ (Thôn Tư cung, Xã Tịnh Khê, TP. Quảng Ngãi)	
	Gian thờ 504 nạn nhân trong vụ thảm sát Sơn Mỹ	250
	Sân trưng bày trong nhà	500

STT	Tên đơn vị/công trình sự nghiệp	Diện tích tối đa (m ²)
	Sàn kho bảo quản	100
	Đền thờ chính Anh hùng dân tộc Trương Định	400
	Phòng trưng bày chuyên đề	150
	Phòng đón tiếp khách tham quan đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định	150
6	Bảo tàng Tổng hợp tỉnh	
6.1	<i>Bảo tàng Tổng hợp tỉnh (Số 99 Lê Trung Đình, TP Quảng Ngãi)</i>	
	Nhà trưng bày	2.000
	Nhà kho bảo quản hiện vật	500
6.2	<i>Bảo tàng khởi nghĩa Ba Tơ (Thị trấn Ba Tơ, Huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi)</i>	
	Nhà trưng bày	1.000
	Nhà kho bảo quản	300
	Nhà đón tiếp khách tham quan	200
6.3	<i>Bảo tàng Chiến thắng Vạn Tường (Xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, TP. Quảng Ngãi)</i>	
	Nhà trưng bày	600
6.4	<i>Khu lưu niệm Thủ tướng Phạm Văn Đồng (Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi)</i>	
	Nhà tưởng niệm	300
	Nhà trưng bày	400
	Khu làm việc, thư viện phòng chiếu phim và nhà cầu nối	400
	Khu nhà bảo vệ, đón tiếp khách	500
	Nhà thờ chính khu lưu niệm	1.000
	Nhà thờ Ông nội bác Phạm Văn Đồng	100
6.5	<i>Nhà trưng bày văn hóa Sa Huỳnh (thị xã Đức Phổ)</i>	2.000
7	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi	
	Phim trường Tổng hợp (250 khán giả)	500
	Phim trường Chuyên đề, Chuyên mục	150
	Phim trường ảo	100
	Phim trường Thời sự	80
	Phòng kỹ thuật Studio tổng hợp	60
	Phòng kỹ thuật Studio Thời sự	40
	Phòng Tổng không chế + Server	50
	Phòng kỹ thuật Phim trường Chuyên đề	40
	Phòng đặt máy phát Số DVD-T2	50
	Phòng dựng truyền hình	40

STT	Tên đơn vị/công trình sự nghiệp	Diện tích tối đa (m ²)
	Phòng thu âm phát thanh 1	40
	Phòng Kỹ thuật thu âm phát thanh 1	20
	Phòng thu âm phát thanh 2	20
	Phòng Kỹ thuật thu âm phát thanh 2	40
	Phòng đặt máy phát FM	50
	Phòng Tổng không chế + Server	50
	Phòng dựng, truyền dẫn phát thanh	40
8	Trung tâm Điều dưỡng người có công	
	Nhà ở đối tượng Người có công nuôi dưỡng (khoảng 24 người)	144
	Nhà ở đối tượng Người có công đến điều dưỡng (khoảng 60 người)	360
	Nhà ăn, bếp nấu (khoảng 100 người)	100
	Phòng lưu trữ vật dụng, thức ăn ...	12
	Phòng thư viện đọc sách (khoảng 60 người)	108
	Phòng y tế	18
	Nhà tập đa năng, phục hồi chức năng (khoảng 60 người)	108
	Hội trường lớn sinh hoạt chung, văn hoá văn nghệ (khoảng 100 người)	180
9	Trung tâm Công tác xã hội	
9.1	Trụ sở 1	
	Nhà Nuôi dưỡng đối tượng BTXH	
	Nhà ở đối tượng tự phục vụ (khoảng 300 người)	1.800
	Nhà ở đối tượng không tự phục vụ 24/24 (khoảng 100 người)	800
	Phòng học (đối với trẻ em và người đi học, học nghề) 30 chỗ * 1,5m ² /1 chỗ (tính cho 1 phòng)	45
	Nhà ăn, bếp nấu (khoảng 400 người)	400
	Phòng lưu trữ vật dụng, thức ăn ...	12
	Phòng sinh hoạt nhóm, xem ti vi, thư viện (khoảng 300 người)	540
	Phòng y tế	18
	Nhà tập đa năng, phục hồi chức năng (khoảng 300 người)	540
	Hội trường lớn sinh hoạt chung, văn hoá văn nghệ (khoảng 300 người)	540
	Nhà xưởng thực hành và lao động trị liệu (khoảng 100 người)	180
9.2	Trụ sở 2	

STT	Tên đơn vị/công trình sự nghiệp	Diện tích tối đa (m ²)
9.2.1	<i>Nhà nuôi dưỡng đối tượng Tâm thần</i>	
	Nhà ở đối tượng tự phục vụ (khoảng 100 người)	600
	Nhà ở đối tượng không tự phục vụ 24/24 (khoảng 200 người)	1.600
	Nhà ăn, bếp nấu (khoảng 300 người)	300
	Phòng lưu trữ vật dụng, thức ăn ... (khoảng 100 người)	12
	Phòng sinh hoạt nhóm, xem ti vi, thư viện (khoảng 100 người)	180
	Phòng y tế	18
	Nhà tập đa năng, phục hồi chức năng (khoảng 300 người)	540
	Hội trường lớn sinh hoạt chung, văn hoá văn nghệ (khoảng 300 người)	540
	Nhà xưởng thực hành và lao động trị liệu (khoảng 100 người)	180
9.2.2	<i>Nhà nuôi dưỡng đối tượng cai nghiện</i>	
	Nhà ở đối tượng bình quân (khoảng 120 người)	720
	Nhà ở đối tượng không tự phục vụ 24/24 (khoảng 30 người)	240
	Phòng học (đối với người từ 12 - 18 tuổi và người học nghề) 30chỗ* 1,5m ² /1 chỗ (tính cho 1 phòng)	45
	Nhà ăn, bếp nấu (khoảng 150 người)	150
	Phòng lưu trữ vật dụng, thức ăn ...	12
	Phòng sinh hoạt nhóm, xem tv, thư viện (khoảng 150 người)	270
	Nhà cai nghiện (khoảng 150 người)	270
	Nhà tập đa năng, phục hồi chức năng (khoảng 150 người)	270
	Hội trường lớn sinh hoạt chung, văn hoá văn nghệ (khoảng 300 người)	540
	Nhà xưởng thực hành và lao động trị liệu (khoảng 100 người)	180
10	Công trình sự nghiệp của huyện, thị xã, thành phố	
	Nhà lễ tân	285
	Nhà văn hóa	5.000
	Nhà bảo tàng	3.100
	Nhà thi đấu đa năng	1.500